



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	01	17	8,5	1	Anh	Lẻ
2	000002	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	01	16	8,8	1	Hà	chẵn
3	000003	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	02	15	8,5	1	Nam	Lẻ
4	000004	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	02					
5	000005	1001021032	Trương Thị	Ngọc	30/07/2004	KD10C	02	14	7,8	1	Ngọc	HP lẻ
6	000006	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	02	13	7,5	1	Bình	chẵn
7	000007	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	02	12	9,0	1	Mai	Lẻ
8	000008	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H	02	11	7,8	1	Minh	chẵn
9	000009	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	02	10	7,5	1	Huy	Lẻ
10	000010	1103020006	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/03/1985	T11A_TCB	02	9	8,8	1	Hương	HP chẵn
11	000011	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	02	8	6,0	1	Dung	HP
12	000012	0901030989	Nguyễn Thanh	An	24/03/1989	QT9D	02					HP
13	000013	0901030974	Nguyễn Đăng	Hùng	07/05/1985	QT9D	02	7	9,8	1		HP lẻ
14	000014	0901020003	Đặng Thị	Nguyệt	15/07/1984	QT9D	02	6	9,3	1		chẵn
15	000015	0901020993	Nguyễn Đức	Quanh	22/12/1987	QT9D	02	5	8,5	01		Lẻ
16	000016	0901010865	Nguyễn Anh	Tuấn	30/08/1994	QT9D	02	4	8,5	1		chẵn
17	000017	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	02					HP
18	000018	1101010795	Nguyễn Việt	Dũng	16/01/2005	TC11A	02					
19	000019	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	02	3	7,0	1	Linh	HP lẻ
20	000020	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	02	2	9,0	1	Linh	chẵn
21	000021	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	02	1	8,5	1	Lý	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 17...

Tổng số tờ giấy thi: 17...

Tổng số biên bản: 02...

Ngày 13 tháng 9 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ T.T. Dang

Nguyễn Thị Phương Học